

Bản án số: 52/2023/HC-PT

Ngày: 10 - 02 - 2023

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Hà Huy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 542/2022/TLPT-HC ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 19/2022/HC-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3103/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Võ Thị Bạch N, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà x58, đường xT4A, phường T, Quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Bạch N: Bà Võ Thị Thanh N1, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà X21, đường X26, Phường X10, Quận X6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố C;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Phan Thành M, chức vụ: Chủ tịch (xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C: Ông Nguyễn Văn T2 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số X03, đường X30/4, Phường X1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số X12, đường X30/4, Phường X1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Huỳnh Văn T3 - Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Võ Thị Bạch N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2021, ngày 09/3/2021 của bà Võ Thị Bạch N và tại phiên tòa sơ thẩm bà Võ Thị Thanh N1 đại diện theo ủy quyền của bà Bạch N trình bày:

Ngày 25/2/2014, bà Võ Thị Bạch N được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 135m² trong đó 81m² ở tại đô thị (có một căn nhà) và 54m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 413, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại Phường X3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 23/11/2016, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 825/QĐ-UBND về việc thu hồi toàn bộ diện tích đất thuộc thửa số 413 của bà Bạch N để thực hiện công trình Lia 2: Phường X2 - Phường X3 nhằm phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Ngày 05/12/2016, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư thuộc Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 2292/QĐ-HĐBTHT&TĐC bồi thường, hỗ trợ cho bà Võ Thị Bạch N số tiền 364.194.701 đồng và được bố trí 01 nền tái định cư tại khu dân cư Phường X3.

Không đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố C nên bà Bạch N đã làm đơn khiếu nại yêu cầu giải quyết nâng giá bồi thường đất ở từ 1.840.000 đồng/m² theo giá thị trường; nâng giá bồi thường đất trồng cây lâu năm từ 240.000 đồng/m² theo giá thị trường; nâng giá bồi thường, hỗ trợ tài sản nhà ở, vật kiến trúc từ 43.077.026 đồng lên 100.000.000 đồng và yêu cầu bố trí tái định cư tại Khu Lia 2 (đường L). Trên phần đất còn lại sau làm đường.

Ngày 18/6/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 61/QĐ-UBND.HC về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị Bạch N với nội dung:

- Không giải quyết nâng giá bồi thường đất ở từ 1.840.000 đồng/m² lên 5.000.000 đồng/m² và nâng giá bồi thường đất trồng cây lâu năm từ 240.000 đồng/m² lên 1.800.000 đồng/m² với lý do: Thực hiện đúng theo Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án Nâng cấp đô thị Đồng bằng sông Cửu Long-Tiểu dự án thành phố C. Công trình Lia 2: Phường X2- Phường X3, thành phố C;

- Không giải quyết nâng giá bồi thường, hỗ trợ tài sản nhà ở, vật kiến trúc từ 43.077.026 đồng lên 100.000.000 đồng với lý do: Thực hiện đúng theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 12/6/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định về giá nhà và vật kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Không giải quyết bố trí tái định cư tại chỗ (Lia 2) Lý do: Thực hiện đúng theo Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 về việc phê duyệt phương án tái định cư dự án nâng cấp đô thị Đồng bằng sông Cửu Long-Tiểu dự án thành phố C. Công trình Lia 2: Phường X2-Phường X3, thành phố C.

Bà Võ Thị Bạch N không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C. Vì giá trị bồi thường, hỗ trợ và bố trí nền tái định cư cho bà Bạch N không tương xứng với giá trị phân đất thu hồi gây thiệt hại đến quyền lợi của bà Bạch N.

Hiện nay bà Võ Thị Bạch N vẫn chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và nền tái định cư tại đường Bà Triệu - Phường X3.

Nay bà Võ Thị Bạch N yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố C, Quyết định số 2292/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 05/12/2016 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư thuộc Ủy ban nhân dân thành phố C, Quyết định số 61/QĐ-UBND.HC ngày 18/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C, Văn bản 190/UBND-QLDA&PTQĐ ngày 19/02/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố C và Quyết định số 59/QĐ-UBND-NĐ ngày 31/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp với lý do là: Bà Võ Thị Bạch N không ký tên vào phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của mẹ bà Bạch N.

Theo Văn bản ý kiến số 1374/UBND-TNMT ngày 29/6/2021 của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C trình bày:

Ngày 23/11/2016, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 825/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Võ Thị Bạch N để thực hiện công trình Lia 2: Phường X2-Phường X3, thành phố C để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Căn cứ pháp luật để thu hồi đất gồm: Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Thông tư 30/2014TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên Môi trường

quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; Quyết định số 79/QĐ-UBND-NĐ ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của thành phố C.

Ngày 05/12/2016, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố C ban hành Quyết định số 2292/QĐ-HĐBTHT&TĐC về việc bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất của bà Võ Thị Bạch N để thực hiện công trình Lia 2: Phường X2 - Phường X3, thành phố C là để đền bù những thiệt hại về đất và tài sản trên đất bị ảnh hưởng do thu hồi đất để thực hiện dự án với tổng số tiền là 364.194.701 đồng.

Căn cứ để ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ gồm: Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013; Văn bản số 470/TTg-QHQT ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc khung chính sách tái định cư Dự án “Phát triển đô thị loại vừa” do WB tài trợ; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc thu hồi đất của bà Võ Thị Bạch N để thực hiện công trình Lia 2: Phường X2-Phường X3, thành phố C để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố C. Công trình Lia 2: Phường X2-Phường X3, thành phố C.

Bà Võ Thị Bạch N chưa thống nhất quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nên đã gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố C yêu cầu được bố trí tái định cư tại chỗ (đường L) và nâng giá bồi thường đất, tài sản và vật kiến trúc trên đất.

Ngày 14/6/2019, Ban giải quyết khiếu nại dự án Nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long-Tiểu dự án thành phố C, họp giải quyết khiếu nại đối với trường hợp của bà Võ Thị Bạch N. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C - Trưởng Ban giải quyết khiếu nại chủ trì cuộc họp, kết luận:

+ Đối với yêu cầu nâng giá bồi thường đất trồng cây lâu năm từ 240.000 đồng/m² lên 1.800.000 đồng/m² và bồi thường đất ở từ 1.840.000 đồng/m² lên 5.000.000 đồng/m² là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Lý do: Thực hiện đúng theo Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long-Tiểu dự án thành phố C. Công trình Lia 2: Phường X2 - Phường X3, thành phố C.

+ Đối với yêu cầu bố trí 01 nền tái định cư tại đường L, Khu Lia 2 là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Lý do: Thực hiện đúng theo Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc phê duyệt phương án tái

định cư, dự án nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long-Tiểu dự án thành phố C. Công trình Lia 2: Phường X2-Phường X3, thành phố C.

+ Đối với yêu cầu nâng giá bồi thường, hỗ trợ tài sản nhà ở, vật kiến trúc từ 43.077.026 đồng lên 100.000.000 đồng là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Lý do: Thực hiện đúng theo Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, quy định về giá nhà ở và vật kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18/6/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 61/QĐ-UBND-NĐ về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị Bạch N. Căn cứ giải quyết khiếu nại: Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011; Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013; Căn cứ Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Căn cứ Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long được phê duyệt tại nội dung Văn bản số 470/TTg-QHQT ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Như vậy: Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố C, Quyết định số 2292/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố C được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 62, 63, 66, 67, 69, 74 và 75 của Luật đất đai năm 2013; Quyết định số 61/QĐ-UBND-HC ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C được thực hiện đúng theo quy định hiện hành và Mục 3.6, Phần 3 Văn bản số 470/TTg-QHQT ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với nội dung Văn bản 190/UBND-QLDA&PTQĐ ngày 19/02/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố C đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đình chỉ xét xử tại nội dung bản án số Bản án số 14/2019/HC-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và bản án số 295/2020/HC-PT ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân thành phố C đề nghị giữ nguyên Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố C, Quyết định số 2292/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố C, Quyết định số 61/QĐ-UBND-HC ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C và Văn bản 190/UBND-QLDA&PTQĐ ngày 19/02/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố C.

Theo Văn bản ý kiến số 269/UBND-TCD-NC ngày 11/5/2021 của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp trình bày:

Ngày 23/11/2016, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 825/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 174,4m² (trong đó có 81m² đất ở tại đô thị và 93,4m² đất trồng cây lâu năm) của bà Võ Thị Bạch N để thực hiện dự án Nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long-Tiểu dự án thành phố C. Công trình: Lia 2, Phường X2 - Phường X3, thành phố C; đồng thời, xác lập thủ tục bồi thường, hỗ trợ cho bà Võ Thị Bạch N với tổng số tiền là 364.194.701 đồng theo Quyết định số 2292/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố C; Theo phương án bố trí tái định cư số 259/PA HĐBT.HT&TĐC ngày 21 tháng 11 năm 2016, bà Võ Thị Bạch N được bố trí 01 nền tái định cư tại Khu dân cư Phường X3, thành phố C.

Bà Võ Thị Bạch N chưa thống nhất với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C yêu cầu nâng giá bồi thường đất ở, đất trồng cây lâu năm, vật kiến trúc và bố trí nền tái định cư tại đường L thuộc dự án Lia 2; được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C giải quyết tại Quyết định số 61/QĐ-UBND.HC ngày 18 tháng 6 năm 2019, nội dung: Bác các nội dung khiếu nại của bà Võ Thị Bạch N, lý do: Việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện đúng theo quy định.

Bà Võ Thị Bạch N không thống nhất với Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C nên đã khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 31/3/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 59/QĐ-UBND-NĐ giữ nguyên Quyết định số 61/QĐ-UBND-HC ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C.

Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Tỉnh; Văn bản số 763/UBND-KTN ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về đơn giá đất làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long-Tiểu dự án thành phố C. Công trình: Lia 2: Phường X2-Phường X3, thành phố C; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị giữ nguyên Quyết định số 59/QĐ-UBND-NĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 19/2022/HC-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bạch N đối với yêu cầu hủy Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố C, Quyết định số 2292/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 05/12/2016 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư thuộc Ủy ban nhân dân thành phố C, Văn bản 190/UBND-QLDA&PTQĐ ngày 19/02/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố C, Quyết định số 61/QĐ-UBND.HC ngày 18/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C và Quyết định số 59/QĐ-UBND-NĐ ngày 31/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/8/2022 người khởi kiện bà Võ Thị Bạch N kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Võ Thị Bạch N (có bà Võ Thị Thanh N1 là đại diện theo ủy quyền) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xác định người khởi kiện đồng ý với quyết định thu hồi đất, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy các quyết định hành chính liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Bạch N với các lý do:

- Tại văn bản số 239 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp xác nhận không nhận được báo cáo 1279 của Ủy ban nhân dân thành phố C. Trong khi Báo cáo 1279 là cơ sở để giải quyết khiếu nại của người dân trong dự án đã có từ năm 2018, nhưng đến hôm nay Ủy ban nhân dân tỉnh không nhận được báo cáo đó nên khiếu nại không giải quyết.

- Ủy ban nhân dân thành phố C đã áp dụng tái định cư không đúng chính sách của Nhà nước, dự án này là không nhà ở xã hội, nhưng Ủy ban nhân dân thành phố C cho nhà bà Bạch N tái định cư ở khu sau, do phía trước để thực hiện nhà ở xã hội là không đúng. Mặt khác, phần diện tích đất nhà bà Bạch N đủ điều kiện được bố trí tái định cư thuộc khu Lia 2, nhưng Ủy ban nhân dân thành phố C căn cứ vào diện tích đất ở theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cho rằng trong diện tích đất thu hồi của bà Bạch N chỉ có 81m² đất ở là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Vụ án từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Thanh N1 không yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất, chỉ yêu cầu hủy các quyết định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ. Dự án này thực hiện năm 2012, bà Bạch N cho rằng việc áp giá bồi thường không đúng giá nhưng không có yêu cầu định giá. Về tái định cư thì việc áp dụng của Ủy ban nhân dân là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện.

[2] Thực hiện công trình Lia 2: Phường X2 – Phường X3, thành phố C, ngày 23/11/2016 Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định 825/QĐ-UBND thu hồi diện tích 174,4m² (trong đó có 81m² đất ở đô thị và 93,4m² đất

trồng cây lâu năm của bà Võ Thị Bạch N. Ngày 05/12/2016 Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư thuộc Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định 2292/QĐ-HĐBTHT&TĐC bồi thường, hỗ trợ cho bà N với số tiền 364.494.701 đồng và 01 nền tái định cư tại khu dân cư Phường X3. Không đồng ý với các quyết định trên, bà N khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã ban hành các quyết định giải quyết bác yêu cầu khiếu của bà N. Do vậy, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi diện tích đất trên.

[3] Bản án sơ thẩm nhận định:

- Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định 825/QĐ-UBND ngày 23/11/2016, số 2292/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 05/12/2016, Văn bản số 190/UBND-QLDA&PTQĐ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định 61/QĐ-UBND.HC ngày 18/6/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định 59/QĐ-UBND-NĐ ngày 31/3/2020 là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành theo quy định pháp luật.

- Về nội dung:

Mức giá được phê duyệt để bồi thường cho bà N là trên cơ sở giá của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đ sau khi đã khảo sát giá đất chuyển nhượng tại khu vực và được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành văn bản số 763/UBND-KTTH ngày 23/11/2015 về việc đơn giá đất làm cơ sở lập phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư. Như vậy, mức giá để bồi thường cho bà Bạch N là giá thị trường tại thời điểm thu hồi, không phải giá đất hàng năm do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành, là theo quy định tại tiêu mục 15, Mục 2.2 của Phần 2 và thỏa mãn Mục 2 của Bảng 2 Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện yêu cầu nâng giá bồi thường nhưng không cung cấp được tài liệu, không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

Theo Phương án số 259/PA-HĐBTHT&TĐC ngày 21/11/2016 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố C (đã có niêm yết lấy ý kiến của các hộ dân bị ảnh hưởng) và trên cơ sở Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc phê duyệt phương án tái định cư dự án nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long-Tiểu dự án thành phố C thì đối tượng được bố trí và bán nền tái định cư được phân ra 17 nhóm dựa trên diện tích đất bị thu hồi (ưu tiên hộ có diện tích đất ở bị thu hồi nhiều sẽ bố trí tại chỗ thuộc khu Lia 2). Theo đó, diện tích đất bị thu hồi của bà Bạch N là 81,0m² loại đất ở đô thị, do đó thuộc Nhóm 9 được bố trí tái định cư tại Khu dân cư Phường X3. Việc chọn nền tái định cư theo dự án các hộ được tái định cư được phân theo từng nhóm tùy theo diện tích bị thu hồi để bốc thăm chọn vị trí nền tái định cư đã được phân theo từng nhóm. Do đó, yêu cầu của bà Bạch N yêu cầu được bố trí nền tại đường L thuộc khu Lia 2 là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bạch N.

[4] Nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm:

[4.1] Dự án Lia 2 là do Ngân hàng thế giới cung cấp nguồn lực tài chính cho hoạt động nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có tiểu dự án thành phố C – công trình Lia 2. Khi kiểm tra giám sát thực hiện dự án, Ngân hàng thế giới đã có ý kiến đối với Ủy ban nhân dân thành phố C về những trường hợp phải di dời do ảnh hưởng của dự án. Ngày 30/7/2018 Ủy ban nhân dân thành phố C đã có Báo cáo số 1279 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp báo cáo và đề xuất cho huy động tư vấn độc lập xác định giá trị đền bù tài sản của các hộ dân có khiếu nại (trong đó có bà Bạch N), nếu có chênh lệch tăng sẽ xem xét lập phương án bổ sung. Tuy nhiên, tại văn bản số 239 ngày 22/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp xác định không nhận được báo cáo số 1279 ngày 30/7/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố C. Theo văn bản ý kiến ngày 08/7/2022 Ủy ban nhân dân thành phố C xác định dù không có văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp nhưng Ủy ban nhân dân thành phố C đã yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn thẩm định giá T4 thẩm định giá đền bù tài sản, vật kiến trúc cho các hộ dân có khiếu nại năm 2018 nhưng do mức giá thực tế không cao hơn mức giá đã thẩm định trước đây nên Ủy ban nhân dân thành phố C không xem xét giải quyết bồi thường cho các hộ dân theo quy định.

Xét thấy, mức giá để bồi thường hỗ trợ là căn cứ vào giá khảo sát của công ty thẩm định và đơn giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Trong trường hợp này, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp chưa nhận được báo cáo số 1279 của Ủy ban nhân dân thành phố C, chưa có văn bản ý kiến liên quan đến nội dung này, như vậy yêu cầu khiếu nại của các hộ dân (trong đó có bà Bạch N) với Ngân hàng thế giới chưa được giải quyết. Ủy ban nhân dân thành phố C cho rằng đã yêu cầu công ty thẩm định T4 thẩm định giá đền bù tài sản, vật kiến trúc trên đất, nhưng chưa có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về đơn giá bồi thường sau khi có khiếu nại của hộ dân đối với Ngân hàng thế giới, là chưa đủ căn cứ để khẳng định mức giá thực tế không cao hơn mức giá thẩm định trước đây.

[4.2] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH02061 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 25/02/2014 cho bà Võ Thị Bạch N, thì diện tích bà N được cấp quyền sử dụng đất là 135m², trong đó 81m² đất ở đô thị (có 01 căn nhà) và 54m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 413 tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Phường X3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Phần đất của bà N bị thu hồi theo Quyết định 825/QĐ-UBND là 174,4m² (gồm 135m² diện tích nằm trong giấy chứng nhận và 39,4m² nằm ngoài giấy chứng nhận). Theo văn bản cung cấp thông tin và tài liệu chứng cứ ngày 08/7/2022, Ủy ban nhân dân thành phố C xác định bà Võ Thị Bạch N không ký tên vào phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của mẹ bà Bạch N là bà Trần Ngọc Diệp. Do vậy, Ủy ban nhân dân thành phố C áp dụng kết quả đo

đặc hiện trạng thửa đất (Không có bản vẽ thực trạng xây dựng nhà và công trình phụ) để làm căn cứ tính áp giá, bồi thường cho bà N là chưa chính xác.

Mặt khác, căn cứ vào lời trình bày của người bị kiện và các quyết định thu hồi, bồi thường hỗ trợ thể hiện phần diện tích đất gia đình bà Bạch N bị thu hồi là diện tích đang sử dụng thực tế (gồm cả phần được cấp giấy chứng nhận và phần nằm ngoài giấy chứng nhận). Như vậy, việc gia đình bà Bạch N đang sử dụng đất thuộc mục đích gì và nếu có đủ điều kiện được công nhận theo quy định pháp luật, thì sẽ được bồi thường hỗ trợ loại đất theo đúng mục đích sử dụng. Xét thấy, nguồn gốc phần đất là do gia đình bà Bạch N quản lý, sử dụng, không có tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Thanh N1 trình bày ngoài căn nhà chính, trên phần đất gia đình bà Bạch N còn xây dựng các công trình phụ, nhà bếp và phần sân (phần diện tích đất tăng thêm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) với tổng diện tích xây dựng là hơn 95m² (Đủ điều kiện để được nhận nền tái định cư tại khu Lia 2). Tuy vậy, khi thực hiện bồi thường, Ủy ban nhân dân thành phố C không kiểm tra, ghi nhận trên phần diện tích tăng thêm 39,4m² nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có công trình xây dựng hay sử dụng trồng cây lâu năm, mà chỉ căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp để xác định diện tích đất ở chỉ là 81m² và 39,4m² nằm ngoài giấy chứng nhận là đất trồng cây lâu năm là chưa đủ căn cứ, gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất khi bồi thường và xem xét tái định cư khi bị thu hồi đất.

[4.3] Theo nhận định tại mục [4.1] và [4.2] thì Ủy ban nhân dân thành phố C đã có thiếu sót khi thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi phần đất của bà Bạch N, nên yêu cầu khiếu nại của bà N là có căn cứ chấp nhận. Do vậy, văn bản số 190/UBND-QLDA&PTĐT, Quyết định số 61/QĐ-UBND.HC, Quyết định 59/QĐ-UBND-NĐ bác yêu cầu khiếu nại của bà Bạch N là không đúng.

[4.4] Đối với Quyết định thu hồi đất số 825/QĐ-UBND ngày 23/11/2016, thì tại phiên tòa phúc thẩm bà Thanh N1 xác định người khởi kiện đồng ý với việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân, chỉ yêu cầu xem xét lại các quyết định bồi thường hỗ trợ và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với Quyết định này.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm chưa xem xét đánh giá toàn diện tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bạch N. Lập luận này cũng là cơ sở để không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[6] Án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Võ Thị Bạch N không phải chịu; Ủy ban nhân dân thành phố C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Võ Thị Bạch N không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Võ Thị Bạch N; Sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm số 19/2022/HC-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

Áp dụng Điều 62, 63, 66, 69, 74, 75 của Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 18 khoản 2 Điều 21 của Luật khiếu nại năm 2011; Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án Nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng, thu hồi đất; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bạch N:

- Hủy Quyết định số 2292/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 05/12/2016 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư thuộc Ủy ban nhân dân thành phố C;

- Hủy Văn bản 190/UBND-QLDA&PTQĐ ngày 19/02/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố C;

- Hủy Quyết định số 61/QĐ-UBND.HC ngày 18/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C;

- Hủy Quyết định số 59/QĐ-UBND-NĐ ngày 31/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm về nội dung bác yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bạch N về việc hủy Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố C.

3. Án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Võ Thị Bạch N không phải chịu;

Ủy ban nhân dân thành phố C; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4. Án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Võ Thị Bạch N không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- NKK (1);
- NBK (3);
- Lưu (10) 19b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên